TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70** /2019/DS-ST.
Ngày: 12/9/2019
Về việc: Tranh chấp HĐ vay TS

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Tạ Hồng Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lý Thuý Hà** và bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên to*à: Bà **Nguyễn Thị Hoài Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Hải Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn 1, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quỳnh L**, sinh năm 1983
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 12, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn 1, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08/4/2018 chị Đỗ Thị Minh T. và anh Nguyễn Quỳnh L. có lập 01 (một) Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước vay tiền với nội dung anh Nguyễn Quỳnh L. cầm cố 01 xe ô tô mầu đen, BKS 22A-077.18 trị giá 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng để vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng của chị Đỗ Thị Minh T., lãi suất 1.000 đồng/1 ngày/ 1.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 08/4/2018 – 18/4/2018.

Ngày 24/5/2018 chị Nguyễn Thị Như Q. (địa chỉ: tổ 19, phường M, thành phố T) cho người đến nhà chị Đỗ Thị Minh T. lấy chiếc xe ô tô trên về, chị T. có đơn đề nghị Cơ quan Công an thành phố Tuyên Quang giải quyết vụ việc chị Q. tự ý lấy xe ô tô của chị T. Công an thành phố Tuyên Quang đã tiến hành điều tra xác minh làm rõ sự việc và

xác định được chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô là chị Q, Công an đã ra Thông báo số 1313/TB-CQCSĐT ngày 15/8/2018 về việc không khởi tố vụ án hình sự.

Do anh Nguyễn Quỳnh L. chưa trả tiền cho chị Đỗ Thị Minh T. nên chị T. đã làm đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị giải quyết buộc anh L. có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/10/2018 là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi suất kể từ ngày tiếp theo cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh T. trình bầy: Do mối quan hệ quen biết từ trước, ngày 8/4/2018 anh Nguyễn Quỳnh L. có đi 01 xe ô tô đến nhà chị cầm cố vay số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng không đưa Giấy đăng ký xe ô tô và hẹn trong thời gian 10 ngày sẽ trả, nếu không trả được tiền sẽ đưa Giấy đăng ký xe cho chị T.. Đến hẹn anh L. không trả được tiền, chị đã đòi nhiều lần nhưng anh L. cứ khất nần không trả, sau đó chị được biết chiếc xe ô tô là của chị Q. cho anh L. mượn nên đã báo cơ quan Công an giải quyết, Công an đã thu giữ xe và trả cho chị Q. còn anh L. vẫn không trả tiền cho chị.

Nay chị đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Quỳnh L. có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 250.000.000 đồng, số tiền lãi được tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự và quy định của pháp luật là: Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 8/4/2018 – 18/4/2018 là 10 ngày x 250.000.000 đồng x 20%/năm = 1.650.000 đồng. Số tiền lãi chậm trả từ ngày 19/4/2018 cho đến khi kết thúc vụ án tính theo lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm.

Bị đơn anh Nguyễn Quỳnh L. không có mặt ở địa phương, kết quả xác minh tại nơi anh L. Đăng ký HKTT tại tổ 12, phường M, thành phố T. thể hiện anh L. đã chuyển về ở nhà vợ tại tổ 11, phường T không có mặt tại địa phương. Xác minh tại nơi ở của anh L. ở tổ 11, phường T, thành phố T. thể hiện anh L. không đăng ký hộ khẩu thường trú, không sinh sống và làm việc tại địa phương.

Lời khai của anh Nguyễn Quỳnh L. tại cơ quan điều tra đã được Toà án thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng cuối tháng 3/2018 anh có mượn xe ô tô của chị Nguyễn Thị Như Q. để đưa vợ đi lễ chùa ở Nghệ An vài ngày, hôm về anh có nghe lời rủ rê của anh Th. và có tham gia đánh bạc ở nhà anh H (không xác định được họ, tên đệm, địa chỉ của anh Th, anh H). Quá trình đánh bạc anh bị thua hết tiền nên đã cầm cố chiếc ô tô mượn của chị Q. cho nhà anh Nguyễn Văn Đ. lấy số tiền 250.000.000 đồng để tham gia đánh bạc và đã bị thua hết tiền nên không có tiền trả cho anh Đ. để lấy xe ô tô về. Sau đó anh được biết Cơ quan Công an đã thu hồi xe ô tô trả cho chị Q, còn anh hiện tại chưa có khả năng để trả tiền cho anh Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn Đ. trình bầy: Do mối quan hệ quen biết giữa chị Đỗ Thị Minh T. (vợ anh Đ.) với anh Nguyễn Quỳnh L, ngày 8/4/2018 anh L. có vay tiền của chị T. và cầm cố chiếc xe ô tô, mọi giao dịch giữa chị T. với anh L. như thế nào anh Đ. không biết, khi đưa tiền anh Đ. có mặt ở đó, chị T. kiểm đếm tiền xong đưa cho anh để anh đưa cho anh L. Anh là người trực tiếp đưa tiền cho anh L. nhưng số tiền này là tiền làm ăn kinh doanh của chị T. không liên quan gì đến anh. Số tiền anh đưa cho anh L. đủ 250.000.000 đồng, anh không giữ lại bất cứ khoản tiền nào.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang*:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình hoà giải, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh T. buộc anh Nguyễn Quỳnh L. có nghĩa vụ trả cho chị T. tổng số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Đề nghị xem xét buộc anh L. hoàn trả cho chị T. số tiền chi phí giám định, phải chịu án phí của vụ án và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Quỳnh L. có ĐKHKTT tại: Tổ 12, phường M, thành phố T. Theo Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước vay tiền thể hiện ngày 8/4/2018 anh L. có vay tiền của chị Đỗ Thị Minh T. số tiền vay gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, hẹn đến ngày 18/4/2018 trả tiền nhưng sau đó không trả được tiền cho chị T. nên chị T. có đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của bị đơn: Theo nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Quỳnh L. là: Nơi ĐKHKTT tại Tổ 12, phường M, thành phố T, nhưng anh L. không sinh sống và làm việc tại địa phương mà ở nhà vợ tại tổ 11, phường T, hiện tại anh L. không có mặt ở địa phương. Xác minh tại tổ 11, phường T thể hiện anh L. không đăng ký HKTT, không sinh sống và làm việc, không có mặt ở địa phương, Như vậy, anh L. đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cũng như chị T. biết. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ với chị T. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ bản Kết luận giám định số 541/GĐ-KTHS ngày 31/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, lời khai của anh Nguyễn Quỳnh L. tại Công an thành phố Tuyên Quang, lời khai của chị Đỗ Thị Minh T, Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước vay tiền do chị T. cung cấp, thể hiện: ngày 8/4/2018 anh Nguyễn Quỳnh L. cầm cố 01 xe ô tô để vay số tiền **250.000.0000 đồng** (hai trăm năm mươi triệu đồng) của chị Đỗ Thị Minh T. là thực tế. Tuy nhiên, anh L. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc chị T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh L. có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho chị T. là có cơ sở, phù hợp thỏa thuận trong Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước vay tiền và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Quỳnh L. không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn là chị T. cung cấp và do Toà án xác minh thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết chị T. có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên xác định có tranh chấp về lãi suất. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm và lãi suất chậm trả được xác định 10%/năm.

Như vậy, lãi suất theo thoả thuận giữa 2 bên được tính từ ngày 8/4/2018 đến ngày 18/4/2018 là 10 ngày x 250.000.000 đồng x 20%/năm = 1.650.000 đồng. Lãi suất chậm trả được xác định 10%/năm = 0,83%/tháng và 0,033%/ngày. Số tiền lãi được tính đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng từ ngày 19/4/2018 đến ngày 12/9/2019 là 16 tháng 24 ngày = 35.180.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh L. phải trả cho chị T. là **36.830.000** đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh T. buộc anh Nguyễn Quỳnh L. có nghĩa vụ trả cho chị T. tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 12 tháng 9 năm 2019 số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi là 36.830.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), tổng cộng 286.830.000 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

[4]. Về các vấn đề khác:

Theo biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2018 của Công an thành phố Tuyên Quang đối với anh Nguyễn Quỳnh L. thể hiện: Ngày 8/4/2018, khi anh Nguyễn Văn Đ. đưa tiền cho anh L. vay, anh Đ. đã trừ luôn số tiền lãi trong 10 ngày là 8.000.000 đồng, còn đưa cho anh L. 242.000.000 đồng. Theo Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước vay tiền thể hiện lãi suất theo thoả thuận giữa 2 bên là 1.000 đồng/1 ngày/ 1 triệu đồng tính ra là 2.500.000 đồng/ 10 ngày, không phải 8.000.000 đồng như anh L. khai; Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Đ. xác định đã đưa đủ 250.000.000 đồng cho anh L.; anh L. không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền lãi cho chị T. nên không có căn cứ xem xét.

Đối với chiếc xe ô tô mầu đen, BKS 22A – 077.18 do anh Nguyễn Quỳnh L. cầm cố cho chị Đỗ Thị Minh T. để vay tiền vào ngày 08/4/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị Minh T. xác định chiếc xe đã được cơ quan công an thành phố Tuyên Quang xác minh làm rõ chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Như Q. và đã trả xe cho chị Q., chị T. không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về chi phí giám định:

Theo giấy biên nhận tiền của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang thì số tiền chi phí cho việc giám định là 3.960.000 (ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, chị Đỗ Thị Minh T. đã nộp số tiền tạm ứng chi phí giám định trên. Do yêu cầu của chị T. được chấp nhận nên cần buộc anh Nguyễn Quỳnh L. phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị Minh T. số tiền chi phí giám định trên.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chị Đỗ Thị Minh T. không phải chịu án phí, bị đơn anh Nguyễn Quỳnh L. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 161, 162, 227, 228, 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh T: Buộc anh Nguyễn Quỳnh L. có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Minh T. tổng số tiền nợ là **286.830.000** đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi là 36.830.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Quỳnh L. có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị Minh T. số tiền chi phí giám định là **3.960.000** (ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quỳnh L. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 14.341.500 đồng (mười bốn triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

Chị Đỗ Thị Minh T. không phải chịu án phí, trả lại cho chị T. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000221 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến